

Số: 30/QĐ-HĐTV

Khánh Hòa, 14 tháng 3 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đầu tư vốn Tổng công ty Khánh Việt vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UB ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi và chuyển Tổng Công ty Khánh Việt thành Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UB ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt thành Tổng Công ty Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Khánh Việt;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đầu tư vốn Tổng công ty Khánh Việt vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc Tổng công ty Khánh Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Khánh Việt nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phân vốn Tổng công ty Khánh Việt đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Khánh Việt



nắm giữ 100% vốn điều lệ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, KSV TCT;
- Các Phòng ban TCT, Ban Kiểm soát nội bộ TCT;
- Các Cty có cổ phần, vốn góp của TCT (p/h);
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Tiến Anh**





**QUY CHẾ ĐẦU TƯ VỐN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT  
VÀO DOANH NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN TẠI  
DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2016  
của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc đầu tư vốn Tổng công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là Tổng công ty) vào các doanh nghiệp; quản lý tài chính đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổng công ty.
2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.
3. Người đại diện phần vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn Tổng công ty).
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn tài sản tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**Điều 3. Áp dụng pháp luật liên quan**

Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động trong các ngành, lĩnh vực có đặc thù về tài chính ngoài việc tuân thủ quy định của Quy chế này, phải thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về đặc thù đó. Trường hợp có sự khác nhau với quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về đặc thù đó.

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vốn huy động của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ là vốn mà các công ty trách nhiệm hữu





hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ vay của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, các cá nhân trong và ngoài nước; phát hành trái phiếu và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác là vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

## **Chương II**

### **ĐẦU TƯ VỐN TỔNG CÔNG TY VÀO DOANH NGHIỆP**

#### **Mục 1. ĐẦU TƯ VỐN TỔNG CÔNG TY ĐỂ THÀNH LẬP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

**Điều 5. Phạm vi đầu tư vốn Tổng công ty để thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

Tổng công ty chỉ thực hiện đầu tư vốn để thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục đầu tư vốn Tổng công ty để thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được đầu tư thành lập mới không có dự án đầu tư xây dựng công trình hình thành tài sản cố định, căn cứ mức vốn điều lệ ghi trong Quyết định thành lập doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ vào kế hoạch nguồn vốn đầu tư, Tổng công ty thực hiện cấp vốn cho doanh nghiệp.

2. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được đầu tư thành lập mới trên cơ sở bàn giao tài sản từ dự án đầu tư xây dựng công trình đã hoàn thành, căn cứ Quyết định thành lập doanh nghiệp quyết toán công trình xây dựng hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, Tổng công ty tiến hành bàn giao tài sản, xác định nguồn và mức vốn Tổng công ty đã đầu tư của dự án công trình bàn giao cho doanh nghiệp để hoàn thành thủ tục cấp vốn điều lệ cho doanh nghiệp. Trường hợp quyết toán công trình đã hoàn thành nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Tổng công ty căn cứ mức vốn ghi trong dự toán để giao cho doanh nghiệp hạch toán; sau khi quyết toán công trình đã hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp tiến hành điều chỉnh phần chênh lệch giữa mức vốn đã hạch toán và mức vốn đã được phê duyệt.



3. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thành lập mới để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp, việc cấp vốn Tổng công ty để thanh toán trong quá trình thực hiện và quyết toán vốn Tổng công ty đầu tư khi dự án hoàn thành, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ tuân thủ trình tự, thủ tục cấp vốn theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý, sử dụng đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

4. Các nguồn vốn Tổng công ty đầu tư để thành lập doanh nghiệp theo quy định tại các Điểm 1, 2, 3 Khoản này được xác định là vốn điều lệ do Tổng công ty đầu tư cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ khi thành lập.

Trường hợp vốn đầu tư thực tế của Tổng công ty thấp hơn mức vốn điều lệ đã đăng ký khi thành lập doanh nghiệp thì các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải thực hiện đăng ký điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi thành lập bằng mức vốn thực tế đã đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc đăng ký điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014)*.

Trường hợp việc đầu tư vốn điều lệ cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo mức đã được phê duyệt trong đề án thành lập được chia thành nhiều lần, theo từng giai đoạn, thì doanh nghiệp điều chỉnh lại mức vốn điều lệ thực góp trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc điều chỉnh lại mức vốn điều lệ thực góp trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014)*.

## **MỤC 2. ĐẦU TƯ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

**Điều 7. Phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ chỉ áp dụng khi các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động có hiệu quả được đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 8 Quy chế này có mức vốn điều lệ hiện tại không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



**Điều 8. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Tổng công ty về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được xác định hoạt động có hiệu quả phải đảm bảo kết quả xếp loại doanh nghiệp của ba năm liền kề trước năm xác định bổ sung vốn điều lệ đạt từ loại B trở lên theo công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền.

**Điều 9. Phương thức xác định vốn điều lệ đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Căn cứ và phương pháp xác định vốn điều lệ:

a) Mức vốn điều lệ của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được phê duyệt điều chỉnh áp dụng tối thiểu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt mức vốn điều lệ.

b) Mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được xác định tương ứng với các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hoặc Quỹ đầu tư phát triển được ghi trong dự án đầu tư hình thành tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chính và phục vụ trực tiếp ngành kinh doanh chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đang triển khai thực hiện.

c) Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, việc xác định điều chỉnh vốn điều lệ căn cứ vào chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm của doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương được ghi kế hoạch đầu tư bổ sung vốn từ ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hoặc Quỹ đầu tư phát triển trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ tối đa bằng 30% của mức chênh lệch dự kiến tăng doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ năm thứ ba tiếp theo so với doanh thu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp



đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm thực hiện xác định lại mức vốn điều lệ.

d) Vốn điều lệ điều chỉnh của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được xác định như sau:

Vốn điều lệ xác định lại = Vốn điều lệ đã được phê duyệt trước thời điểm xác định lại + Mức vốn điều lệ được điều chỉnh tăng tối thiểu trong 03 năm kể từ năm xác định lại

Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng tối thiểu trong 03 năm kể từ năm xác định lại = Mức vốn đầu tư từ các nguồn được phê duyệt trong các dự án đầu tư nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này + Mức vốn đầu tư từ các nguồn được phê duyệt quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này

## 2. Trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh mức vốn điều lệ:

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được đầu tư bổ sung vốn điều lệ quy định tại Điều 7 Quy chế này lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh mức vốn điều lệ và gửi đến Tổng công ty để thẩm định. Hồ sơ bao gồm:

- Bản sao Quyết định phê duyệt vốn điều lệ của cấp có thẩm quyền thời điểm trước khi đề nghị điều chỉnh lại vốn điều lệ của doanh nghiệp;

- Văn bản giải trình phương pháp xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh (kèm theo bản sao quyết định phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp); giải trình các nguồn vốn để bổ sung vốn điều lệ;

- Bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền công bố kết quả xếp loại của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước khi đề nghị điều chỉnh lại vốn điều lệ.

### b) Tổng công ty:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, Tổng công ty có trách nhiệm kiểm tra, xác định mức vốn điều lệ đảm bảo theo quy định.

Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp không đảm bảo theo quy định thì Tổng công ty phải có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Quyết định mức vốn điều lệ xác định lại và mức vốn thiếu cần bổ sung cho doanh nghiệp.



**Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ vào mức vốn điều lệ xác định lại và vốn còn thiếu cần bổ sung đã được Tổng công ty phê duyệt theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, lập hồ sơ đề nghị Tổng công ty đầu tư bổ sung vốn cho doanh nghiệp. Hồ sơ gửi đến Tổng công ty bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị bổ sung vốn.
- b) Bản sao Quyết định phê duyệt vốn điều lệ của Tổng công ty.
- c) Báo cáo đánh giá thực trạng tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- d) Mục tiêu, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ.
- đ) Văn bản giải trình về các nguồn vốn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ đã được Tổng công ty phê duyệt chủ trương đầu tư, gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp hoặc Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp.

**2. Tổng công ty:**

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, Tổng công ty có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đảm bảo theo quy định, thẩm định các nội dung báo cáo, đánh giá, giải trình liên quan đến bổ sung vốn trong hồ sơ của doanh nghiệp và xem xét, quyết định.

b) Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp không đảm bảo theo quy định thì Tổng công ty phải có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp.

3. Đối với phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoặc nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để đầu tư, Tổng công ty phải có phương án báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bộ Tài chính (kèm theo hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp) để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 11. Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Tổng công ty thực hiện cấp vốn đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.



2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bằng mức vốn thực tế đã đầu tư của Tổng công ty theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014*).

### **Mục 3. ĐẦU TƯ BỔ SUNG VỐN TỔNG CÔNG TY TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Điều 12. Phạm vi đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

Tổng công ty đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương.

**Điều 13. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

1. Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên báo cáo Tổng công ty thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương trước khi người đại diện phần vốn Tổng công ty tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội nghị thành viên. Hồ sơ gồm:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; kế hoạch tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

b) Phương án bổ sung vốn Tổng công ty theo quy định.

c) Bản sao Báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất với thời điểm lập phương án bổ sung vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã được kiểm toán.

d) Đề xuất nguồn vốn đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty Khánh để duy trì tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty Khánh tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; cổ tức, lợi nhuận được chia (nếu có).

2. Tổng công ty:



Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của người đại diện phần vốn Tổng công ty, Tổng công ty có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đảm bảo theo quy định, thẩm định nội dung phương án bổ sung vốn và gửi văn bản (kèm theo hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này) báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét, phê duyệt chủ trương về việc đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty để duy trì tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định thì Tổng công ty có văn bản yêu cầu người đại diện bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

3. Đối với phương án đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có nhu cầu đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để đầu tư, Tổng công ty có đề án gửi UBND tỉnh Khánh Hòa, Bộ Tài chính (kèm theo hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn) để thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

#### **Điều 14. Trình tự thủ tục góp vốn đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

Tổng công ty căn cứ mức vốn và nguồn vốn sử dụng để đầu tư bổ sung vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương (theo quy định tại Điều 13 Quy chế này) và thời hạn góp vốn theo thông báo của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thực hiện góp bổ sung vốn Tổng công ty cho công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Trường hợp góp bổ sung vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện cấp từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp cho Tổng công ty.

Căn cứ hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung thêm vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi Tổng công ty đã thực hiện đầu tư bổ sung vốn (kể cả trường hợp sử dụng cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn Tổng công ty để đầu tư bổ sung); hoặc trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sử dụng các nguồn lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần (đối với công ty cổ phần), nguồn quỹ khác để đầu tư bổ sung, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện ghi tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.





Tổng công ty chỉ đạo người đại diện có trách nhiệm yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ghi tăng vốn góp của Tổng công ty, đồng thời có thông báo bằng văn bản tổng giá trị thực tế phần vốn Tổng công ty đã đầu tư (thực góp) tại công ty và số lượng cổ phiếu do cổ đông Tổng công ty nắm giữ (đối với đầu tư vào công ty cổ phần) sau khi công ty tăng vốn điều lệ và gửi đến Tổng công ty để theo dõi quản lý.

#### **Mục 4. ĐẦU TƯ VỐN TỔNG CÔNG TY ĐỂ MUA LẠI MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ DOANH NGHIỆP**

##### **Điều 15. Phạm vi đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp**

1. Việc mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp được thực hiện thông qua mua lại cổ phần hoặc vốn góp tại các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty thực hiện đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương.

##### **Điều 16. Nguyên tắc khi thực hiện đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp**

1. Phương án mua lại một phần vốn của doanh nghiệp khác phải đảm bảo tỷ lệ vốn Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác đủ để thực hiện quyền quyết định các vấn đề của doanh nghiệp khác tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội nghị thành viên theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 60 và Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2014*).

2. Việc đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp phải có đề án được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt chủ trương theo quy định.

##### **Điều 17. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp**

1. Tổng công ty lập phương án đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương. Nội dung phương án gồm:

a) Đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Mục tiêu, sự cần thiết, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của việc đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.

c) Mức vốn đầu tư.



d) Đề xuất nguồn vốn đầu tư: Gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Trường hợp phương án đầu tư vốn Tổng công ty để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để đầu tư, Tổng công ty gửi phương án đến Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bộ Tài chính để thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Điều 18. Trình tự, thủ tục cấp thanh toán để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp**

Tổng công ty căn cứ chủ trương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt và quyết định phê duyệt mức vốn và nguồn vốn sử dụng để đầu tư mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp để thanh toán cho người bán một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.

Trường hợp cấp vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính thực hiện cấp từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp cho người bán theo quy định.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY NẪM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

#### **Mục 1. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN TẠI CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY NẪM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

### **Điều 19. Vốn điều lệ của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thành lập mới, mức vốn điều lệ được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Căn cứ quy mô, công suất thiết kế đối với ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với ngành, nghề kinh doanh chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Đề án thành lập doanh nghiệp.

c) Phù hợp với phương án sản xuất, kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.



d) Mức vốn điều lệ xác định không thấp hơn mức vốn pháp định của ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động:

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ khi điều chỉnh tăng vốn điều lệ được xác định theo các nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Phương thức xác định vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

c) Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy chế này.

## **Điều 20. Huy động vốn của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Việc huy động vốn của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*).

2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được trực tiếp vay vốn nước ngoài theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bên cho vay nước ngoài theo đúng các điều kiện đã cam kết trong các thỏa thuận vay. Điều kiện, trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận khoản vay nước ngoài của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh. Khoản vay nước ngoài của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải nằm trong hạn mức vay nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải được đăng ký và xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành.

3. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn. Tổng công ty không chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ do các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ trực tiếp vay, trừ các khoản vay được Tổng công ty bảo lãnh.



4. Tổng mức vốn huy động để phục vụ sản xuất, kinh doanh của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải bảo đảm hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn theo thẩm quyền (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp). Trong đó:

a) Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

b) Nợ phải trả ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá”, “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

#### **Điều 21. Bảo toàn vốn của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp. Mọi biến động về tăng, giảm vốn Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp, doanh nghiệp phải báo cáo Tổng công ty để theo dõi, giám sát.

2. Việc bảo toàn vốn Tổng công ty tại doanh nghiệp được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

Việc trích lập các khoản dự phòng rủi ro: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp, doanh

PHÒNG  
CÔNG TY  
VIỆT  
KHANG



nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)).

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**3. Định kỳ hàng năm các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp, phương pháp đánh giá như sau:**

Lãi, lỗ của doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và thu nhập khác trừ (-) tổng các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng theo quy định). Nếu số chênh lệch dương hoặc không có chênh lệch, doanh nghiệp bảo toàn được vốn; Nếu số chênh lệch âm, doanh nghiệp không bảo toàn được vốn.

**Điều 22. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ**

**1.** Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp). Trong đó:

a) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định bên ngoài đưa về sử dụng, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đối với việc đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.



2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc ngành kinh doanh có quy định riêng về đầu tư, xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định theo chuyên ngành, ngoài việc thực hiện quy định của Quy chế này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 23. Thuê tài sản hoạt động**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 24. Quản lý sử dụng tài sản cố định**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện quản lý, sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*). Trong đó:

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp.

b) Tùy theo yêu cầu quản lý đối với từng loại tài sản cố định, quy chế quản lý tài sản cố định của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành phải quy định rõ việc phối hợp giữa các bộ phận và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản cố định theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.

### **Điều 25. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật, trong đó:

a) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu (*Vốn chủ sở hữu được xác định không bao gồm chỉ tiêu "nguồn kinh phí và quỹ khác"*) ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm

10048  
TỔ  
CỘNG  
HẠN  
1 TRANG



quyết định cho thuê tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của doanh nghiệp để thế chấp, cầm cố vay vốn thực hiện theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*).

2. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 26. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu (*Vốn chủ sở hữu được xác định không bao gồm chỉ tiêu "nguồn kinh phí và quỹ khác"*) ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty thì Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty báo cáo Tổng công ty quyết định.

b) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo Tổng công ty trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

c) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới doanh nghiệp không trả được nợ vay theo kế



ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Tổng công ty xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Đối với việc nhượng bán thanh lý tài sản cố định thuộc một số ngành đặc thù (sản xuất thuốc lá, tàu biển, tàu bay . . .) thì ngoài việc thực hiện các quy định của Quy chế này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

### 3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện việc nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do doanh nghiệp tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

b) Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

### 4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần). Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã bị hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo chủ sở hữu xử lý theo quy định;

- Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan;



- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp.

b) Trường hợp khi các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của doanh nghiệp thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

## **Điều 27. Kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tài sản**

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải tổ chức kiểm kê thực tế để xác định số lượng các loại tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn thuộc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp (kể cả cây trồng, vật nuôi, đàn gia súc); đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu trong các trường hợp sau:

- a) Thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;
- b) Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu;
- c) Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của doanh nghiệp;
- d) Theo chủ trương của Nhà nước.

### **2. Xử lý kết quả kiểm kê:**

a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm:

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường. Chủ tịch công ty, Giám đốc doanh nghiệp quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân (hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan) phần còn lại (nếu có) doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán, doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.





b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể.

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, công nợ, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản, công nợ không được xử lý thì Chủ tịch công ty, Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước Tổng công ty như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của doanh nghiệp.

## **Mục 2. DOANH THU, CHI PHÍ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY NẪM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

### **Điều 28. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí của doanh nghiệp**

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của doanh nghiệp theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Doanh nghiệp phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 29. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công



nghe theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Doanh nghiệp xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Doanh nghiệp xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

d) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này được nộp về Tổng công ty.

Trường hợp trong năm tài chính doanh nghiệp vừa phát sinh lỗ sản xuất, kinh doanh được chuyển sang năm tiếp sau (thu nhập chịu thuế âm), vừa phát sinh lợi nhuận (lãi) do có khoản thu nhập không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc có lỗ lũy kế từ năm trước được chuyển trừ vào thu nhập chịu thuế của năm tiếp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh nghiệp chỉ được sử dụng phần chênh lệch lợi nhuận còn lại trong năm tài chính sau khi đã trừ số lỗ nêu trên để thực hiện phân phối, trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.



Căn cứ để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên xác định như sau:

Về xếp loại doanh nghiệp A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ:

- Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của doanh nghiệp được xác định theo quy định của pháp luật chia (:) cho 12 tháng (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của doanh nghiệp được xác định theo quy định tại Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở*).

- Đối với trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của pháp luật chia (:) cho 12 tháng (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu*).

### **Điều 30. Quản lý và sử dụng các quỹ**

1. Việc sử dụng các quỹ của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn doanh nghiệp và công khai trong doanh nghiệp trước khi thực hiện.

b) Trong năm tài chính, doanh nghiệp chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.



2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong doanh nghiệp (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của doanh nghiệp để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài doanh nghiệp có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của doanh nghiệp.

c) Mức thưởng do Giám đốc doanh nghiệp quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của doanh nghiệp.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do Tổng công ty bổ nhiệm.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

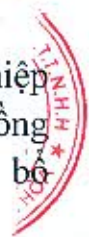
đ) Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc doanh nghiệp quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

5. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được sử dụng để:

a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng doanh nghiệp.

b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do Tổng công ty quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty.

c) Trường hợp Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng doanh nghiệp được khen thưởng theo quy định của pháp luật về





thi đua khen thưởng thì doanh nghiệp sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của doanh nghiệp để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

### **Mục 3. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 31. Kế hoạch tài chính**

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được Tổng công ty phê duyệt, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của doanh nghiệp đã được Tổng công ty quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của doanh nghiệp và nhu cầu thị trường, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, doanh nghiệp thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Tổng công ty trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

Biểu mẫu báo cáo doanh nghiệp lập theo Mẫu số 01, Phụ lục 1A “Kế hoạch tài chính” ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Tổng công ty rà soát lại kế hoạch tài chính do doanh nghiệp lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để doanh nghiệp hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho Tổng công ty giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Điều 32. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán**

Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phải được kiểm toán trước khi nộp cho Tổng công ty, cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

#### **Điều 33. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác**



1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), doanh nghiệp phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho Tổng công ty, các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

2. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, doanh nghiệp phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Tổng công ty và cơ quan quản lý nhà nước; trường hợp doanh nghiệp có khoản vay trong nước và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, doanh nghiệp phải thực hiện lập và gửi báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ được Chính phủ bảo lãnh.

### 3. Báo cáo định kỳ, gồm:

a) Báo cáo Tài chính: cuối kỳ kế toán quý, năm, doanh nghiệp phải thực hiện lập báo cáo tài chính quý, năm của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính quý, năm doanh nghiệp lập dạng đầy đủ.

Biểu mẫu, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo, doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành)*.

b) Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán:

Khi lập báo cáo Tài chính quý, năm, doanh nghiệp lập Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính quý, năm của doanh nghiệp. Thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo cùng với thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Biểu mẫu báo cáo doanh nghiệp lập theo Mẫu số 01, Phụ lục 1B “Báo cáo chỉ tiêu ngoại bảng” ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Định kỳ hàng Quý, trước ngày 02 của tháng đầu Quý sau, doanh nghiệp hoàn thành việc lập và gửi Tổng công ty báo cáo tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Biểu mẫu báo cáo doanh nghiệp lập theo Phụ lục 1C “Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh” ban hành kèm theo Quy chế này.

### 4. Báo cáo đột xuất:

Ngoài các báo cáo nêu tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp phải thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Tổng công ty và cơ quan quản lý nhà nước. Nội dung (biểu mẫu), thời hạn báo cáo căn cứ vào yêu cầu cụ thể của Tổng công ty, cơ quan quản lý nhà nước.



## Chương IV

# QUẢN LÝ VỐN TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

### Điều 34. Tổng công ty

1. Tổng công ty thực hiện quản lý vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thông qua người đại diện phần vốn.

2. Quyền, trách nhiệm của Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp)*.

### Điều 35. Người đại diện phần vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Người đại diện phần vốn Tổng công ty được Tổng công ty lựa chọn và cử bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn Tổng công ty và việc cử người đại diện phần vốn Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp)*.

3. Quyền, trách nhiệm, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 48, Điều 50 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp)*.

### Điều 36. Chuyển nhượng vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Nguyên tắc chuyển nhượng vốn Tổng công ty:

a) Việc chuyển nhượng vốn Tổng công ty phải có phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt và đúng tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng vốn dưới mệnh giá.



c) Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn Tổng công ty trước khi tổ chức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn Tổng công ty tại doanh nghiệp bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

d) Việc chuyển nhượng vốn Tổng công ty có liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.

đ) Tổng công ty lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá khởi điểm đối với phần vốn Tổng công ty chuyển nhượng, thuê tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn theo quy định. Tổng công ty quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức chi phí thuê tổ chức thẩm định giá, tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và được trừ vào tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước.

## 2. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn Tổng công ty:

Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định việc chuyển nhượng vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương.

3. Phương thức chuyển nhượng vốn Tổng công ty tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Trường hợp Tổng công ty yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mua lại phần vốn góp của mình thì thực hiện bán thỏa thuận theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Giá bán thỏa thuận xác định theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này*).

b) Trường hợp Tổng công ty chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác trong công ty hoặc hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật (*Tại thời điểm ban hành Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 2014*), trong đó:

- Nếu chuyển nhượng cho các thành viên khác trong công ty thì thực hiện thỏa thuận giá chuyển nhượng với các thành viên khác. Việc xác định giá bán thỏa thuận trên cơ sở kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

- Nếu chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty thì thực hiện bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận trực tiếp theo quy định tại Khoản 4 Điều này.





#### 4. Phương thức chuyển nhượng vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần:

a) Đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thì việc chuyển nhượng vốn (chuyển nhượng cổ phiếu) thực hiện theo phương thức giao dịch (khớp lệnh, thỏa thuận) theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng theo phương thức thỏa thuận thì giá bán thỏa thuận phải đảm bảo trong biên độ giá giao dịch (giới hạn giao động giá) của mã chứng khoán tại ngày chuyển nhượng, nhưng không thấp hơn giá cổ phiếu được xác định theo giá trị sổ sách của công ty cổ phần có mã chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch, căn cứ vào tổng giá trị vốn chủ sở hữu chia (:) cho vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm chuyển nhượng.

b) Đối với công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thì thực hiện chuyển nhượng vốn theo phương thức sau:

- Đấu giá công khai, trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh thông qua hình thức đấu giá bán cổ phần theo lô. Khi chuyển nhượng vốn có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng phần vốn có giá trị dưới 10 tỷ đồng thì có thể thuê tổ chức tài chính trung gian bán đấu giá, tự tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, hoặc thực hiện đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán;

- Bán thỏa thuận trực tiếp giữa Tổng công ty với nhà đầu tư trong trường hợp bán đấu giá cổ phần theo lô không thành công (chỉ có một nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần);

- Khi chuyển nhượng vốn theo phương thức thỏa thuận trực tiếp thì người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp trong đó có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp này và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

5. Trường hợp vốn Tổng công ty đã đầu tư tại các doanh nghiệp mà không thuộc ngành, lĩnh vực nhà nước cần tiếp tục đầu tư thêm vốn theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành, thì Tổng công ty xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm (đối với công ty cổ phần) và quyền góp vốn (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) cho tổ chức, cá nhân khác sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Việc xác định giá khởi điểm được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá. Trường hợp thời gian cho phép cổ đông, thành viên góp vốn thực



hiện quyền mua cổ phần, quyền góp vốn theo phương án phát hành của doanh nghiệp phát hành ngân, không đủ để tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng thì Tổng công ty xem xét quyết định giá chuyển nhượng, phương thức chuyển nhượng thỏa thuận trực tiếp theo quy định và đảm bảo hiệu quả.

Người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng trong đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

6. Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục bán cổ phần theo hình thức đấu giá theo lô.

### **Điều 37. Thu tiền chuyển nhượng vốn, lợi nhuận, cổ tức tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

1. Thu tiền chuyển nhượng vốn Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Tiền thu được từ việc chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm (đối với công ty cổ phần) và quyền góp vốn (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) cho tổ chức, cá nhân khác (nhà đầu tư), sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc chuyển nhượng được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

b) Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin cho các nhà đầu tư để nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (nội dung thông tin bao gồm: Đơn vị thụ hưởng, địa chỉ, số tài khoản mở tại ngân hàng, thời gian nộp tiền, nội dung nộp tiền trúng đấu giá).

c) Thời hạn nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thì thời hạn thanh toán, nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp đối với nhà đầu tư phù hợp với từng phương thức giao dịch khi chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

- Trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom; chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, quyền góp vốn theo phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc thỏa thuận thì thời hạn thanh toán nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của nhà đầu tư không quá 15 ngày, kể từ ngày công bố kết quả đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký thỏa thuận chuyển nhượng thành công.



Trường hợp nhà đầu tư không nộp, nộp không đúng thời hạn sẽ bị xử phạt vi phạm, cưỡng chế theo quy định.

d) Tổng công ty chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo đúng quy định.

2. Thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ phần vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chia lợi nhuận, cổ tức của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, người đại diện phần vốn Tổng công ty có trách nhiệm đề nghị công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần lợi nhuận, cổ tức được chia về Tổng công ty.

Trường hợp người đại diện phần vốn Tổng công ty không đề nghị công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp lợi nhuận, cổ tức được chia về Tổng công ty theo đúng quy định, Tổng công ty xem xét bãi nhiệm người đại diện phần vốn Tổng công ty; nếu gây tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

b) Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm nộp tiền về Tổng công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người đại diện phần vốn Tổng công ty.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các quy chế tài chính của Tổng công ty đã được cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Việc xử lý hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 thì thực hiện theo quy định hiện hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Việc xử lý hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý vốn Tổng công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 trở đi thì thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 39. Hiệu lực thi hành**



1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016 và thay thế Quy chế số 44/QĐ-HĐTV ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về đầu tư vốn Tổng công ty vào các doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ. Những quy định trước đây về đầu tư vốn Tổng công ty vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Việc trích lập khấu hao tài sản cố định; xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, trích lập các khoản dự phòng thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập quỹ của doanh nghiệp kể từ năm tài chính 2015 trở đi thực hiện theo quy định tại Điều 29 Quy chế này.

4. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ để quản lý, sử dụng các loại tài sản của doanh nghiệp; Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong doanh nghiệp, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho doanh nghiệp.

Đối với tài sản đặc thù như vật nuôi, cây trồng, thiết bị có nguồn phóng xạ, chất độc hại và tài sản đặc thù khác thì quá trình quản lý, sử dụng, thanh lý tài sản ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ phải đảm bảo tuân thủ các quy định, quy trình, quy phạm về kỹ thuật của cơ quan quản lý chuyên ngành ban hành.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cá nhân, đơn vị phản ánh kịp thời về Tổng công ty để nghiên cứu, giải quyết./.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Tiến Anh**





**PHỤ LỤC 1A**  
**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quy chế số 30/QĐ-HDTV ngày 14/3/2016 của Tổng công ty Khánh Việt)  
(Lập và gửi đến Tổng công ty Khánh Việt trước ngày 15/7 hàng năm)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm liền trước năm báo cáo (số thực hiện)	Năm báo cáo (năm hiện tại)			Kế hoạch năm kế tiếp	So sánh TH/KH (%)	So sánh năm KH/năm BC (%)
				Kế hoạch Năm	Thực hiện đến 30/06	Ước thực hiện năm			
<b>A- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>									
<b>I- Sản lượng</b>									
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
- Sản phẩm A									
- Sản phẩm B									
.....									
b) Sản phẩm xuất khẩu									
- Sản phẩm C									
- Sản phẩm D									
.....									
2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
- Sản phẩm A									
- Sản phẩm B									
....									
b) Các sản phẩm xuất khẩu									
- Sản phẩm C									
- Sản phẩm D									
....									
3. Giá thành đơn vị SP chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
- Sản phẩm A									
- Sản phẩm B									
.....									
b) Các sản phẩm xuất khẩu									
- Sản phẩm C									
- Sản phẩm D									
.....									
4. Giá bán các sản phẩm chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
- Sản phẩm A									
- Sản phẩm B									
.....									





b) Sản phẩm xuất khẩu									
- Sản phẩm C									
- Sản phẩm D									
.....									
<b>II. Kết quả kinh doanh</b>									
1. Tổng doanh thu	<b>10</b>	triệu đồng							
a. Doanh thu thuần	<b>10.1</b>	triệu đồng							
b. Doanh thu hoạt động tài chính	<b>10.2</b>	triệu đồng							
c. Doanh thu khác	<b>10.3</b>	triệu đồng							
2. Lãi phát sinh	<b>20</b>								
a. Trước thuế TNDN	<b>20.1</b>	triệu đồng							
b. Sau thuế TNDN	<b>20.2</b>	triệu đồng							
3. Lỗ phát sinh	<b>30</b>	triệu đồng							
4. Lỗ lũy kế	<b>40</b>	triệu đồng							
<b>III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>	<b>100</b>								
1. Từ hoạt động KD nội địa	<b>110</b>	triệu đồng							
a. Thuế GTGT	<b>111</b>	triệu đồng							
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	<b>112</b>	triệu đồng							
c. Thuế TNDN	<b>113</b>	triệu đồng							
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	<b>114</b>	triệu đồng							
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	<b>120</b>	triệu đồng							
a. Thuế XNK	<b>121</b>	triệu đồng							
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	<b>122</b>	triệu đồng							
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	<b>123</b>	triệu đồng							
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	<b>124</b>	triệu đồng							
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	<b>130</b>	triệu đồng							
<b>IV. Thuế và các khoản nộp đã NSNN</b>	<b>200</b>	triệu đồng							
1. Từ hoạt động KD nội địa	<b>210</b>	triệu đồng							
a. Thuế GTGT	<b>211</b>	triệu đồng							
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	<b>212</b>	triệu đồng							
c. Thuế TNDN	<b>213</b>	triệu đồng							
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	<b>214</b>	triệu đồng							



d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	215	triệu đồng						
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	220	triệu đồng						
a. Thuế XNK	221	triệu đồng						
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	222	triệu đồng						
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	223	triệu đồng						
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	224	triệu đồng						
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	230	triệu đồng						
<b>V. Nợ thuế</b>	300	triệu đồng						
1. Nợ thuế từ hoạt động KD nội địa	310	triệu đồng						
a. Thuế GTGT	311	triệu đồng						
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	312	triệu đồng						
c. Thuế TNDN	313	triệu đồng						
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	314	triệu đồng						
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	320	triệu đồng						
a. Thuế XNK	321	triệu đồng						
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	322	triệu đồng						
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	323	triệu đồng						
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	324	triệu đồng						
<b>VI. Các khoản chi NSNN</b>	400							
1. Chi sự nghiệp	410	triệu đồng						
a. Chi đào tạo	411	triệu đồng						
b. Chi SN y tế, DS và KHHGD	412	triệu đồng						
c. Chi sự nghiệp kinh tế	413	triệu đồng						
d. Chi nghiên cứu khoa học	414	triệu đồng						
2. Chi bổ sung vốn điều lệ	420	triệu đồng						
3. Chi đầu tư xây dựng	430	triệu đồng						
4. Chi trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính	440	triệu đồng						
5. Các khoản chi khác	450	triệu đồng						
<b>B- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>								
1. Tổng tài sản		triệu		x			x	



		đồng						
2. Vốn chủ sở hữu		triệu đồng		x			x	
3. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		triệu đồng		x			x	
4. Quỹ Đầu tư phát triển		triệu đồng		x			x	
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB		triệu đồng		x			x	
6. Nguồn vốn khác của chủ sở hữu		triệu đồng		x			x	
7. Vốn điều lệ được phê duyệt		triệu đồng		x			x	
8. Nguồn bổ sung vốn điều lệ		triệu đồng		x			x	
9. Quỹ Đầu tư phát triển		triệu đồng		x			x	
10. Nguồn bổ sung khác		triệu đồng		x			x	
<b>C- HUY ĐỘNG VỐN</b>								
1. Tổng mức huy động		triệu đồng		x			x	
2. Phát hành trái phiếu		triệu đồng		x			x	
a) Trong nước		triệu đồng		x			x	
b) Ngoài nước		triệu đồng		x			x	
3. Vay các tổ chức tín dụng		triệu đồng		x			x	
a) Trong nước		triệu đồng		x			x	
b) Ngoài nước		triệu đồng		x			x	
4. Huy động khác		triệu đồng		x			x	
5. Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu		triệu đồng		x			x	
<b>D- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>								
1. Lợi nhuận thực hiện		triệu đồng		x			x	
2. Trích quỹ phát triển khoa học & công nghệ		triệu đồng		x			x	
3. Bù lỗ các năm trước (nếu có)		triệu đồng		x			x	
4. Thuế TNDN phải nộp		triệu đồng		x			x	
5. Lợi nhuận còn lại		triệu đồng		x			x	
6. Trích quỹ đặc thù		triệu đồng		x			x	
7. Tính 30% quỹ đầu tư phát triển		triệu đồng		x			x	
8. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		triệu đồng		x			x	
9. Quỹ thưởng Người quản lý DN		triệu đồng		x			x	



10. Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ		triệu đồng		x			x		
---	--	------------	--	---	--	--	---	--	--

**Ghi chú:**

- Doanh nghiệp gửi biểu mẫu kèm theo công văn giải trình các căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính và nêu kiến nghị của doanh nghiệp;
- Đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhiều sản phẩm, dịch vụ thì báo cáo sản lượng, giá thành, giá bán của sản phẩm, dịch vụ có sản lượng hoặc tỷ lệ doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất;
- Các khoản thuế phát sinh, đã nộp, doanh nghiệp căn cứ pháp luật thuế hiện hành đối với từng loại thuế để xác định.
- Khoản lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp về Tổng công ty.
- Các chỉ tiêu thường xuyên thay đổi không kế hoạch được, mang tính thời điểm như các khoản phải nộp không phải là thuế, tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp... thì doanh nghiệp không phải ghi cột kế hoạch và cột so sánh mà ghi trên cơ sở báo cáo tài chính quý, năm.
- Doanh nghiệp được phê duyệt mức vốn điều lệ đến năm nào thì ghi số liệu vào cột kế hoạch năm tương ứng.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Nha Trang, ngày ..... tháng ..... năm ....*

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)







**PHỤ LỤC 1B**  
**BÁO CÁO CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG**  
**KỶ BÁO CÁO QUÝ (NĂM) ...**

*D: Ghi số dư của khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo*  
*(Ban hành kèm theo Quy chế số 30/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2016 của Tổng công ty Khánh Việt)*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
<b>1. Nợ phải thu khó đòi</b>	110	D (đồng)		
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)		
<b>2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước</b>	120	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại	122	D (đồng)		
<b>3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài</b>	130	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại	132	D (đồng)		
<b>4. Vay và nợ dài hạn trong nước</b>	140	D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)		
<b>5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài</b>	150	D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)		
<b>6. Vốn điều lệ</b>	200	D (đồng)		
a) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ nguồn Ngân sách Nhà nước	210	P (đồng)		
b) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX & PTĐN	220	P (đồng)		
c) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX của Công ty mẹ	230	P (đồng)		
d) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ ĐTPT	240	P (đồng)		
đ) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Lợi nhuận sau thuế không phải nộp NSNN	250	P (đồng)		
e) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ việc nhận chuyển giao từ nơi khác	260	P (đồng)		
<b>7. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>	300	P (đồng)		
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)		
- Thuế GTGT	311			
+ Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	312	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT đã nộp trong kỳ	313	P (đồng)		
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	314			
+ Số thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ	315	P (đồng)		
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong kỳ	316	P (đồng)		
- Thuế TNDN	317			
+ Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	318	P (đồng)		
+ Số thuế TNDN đã nộp trong kỳ	319	P (đồng)		
- Các loại thuế khác, thu NSNN khác	320			
+ Số thuế, thu NSNN khác phải nộp trong kỳ	321	P (đồng)		





+ Số thuế, thu NSNN khác đã nộp trong kỳ	322	P (đồng)		
<b>b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK</b>	330	P (đồng)		
- Thuế XNK	331			
+ Số thuế XNK phải nộp trong kỳ	332	P (đồng)		
+ Số thuế XNK đã nộp trong kỳ	333	P (đồng)		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	334			
+ Số thuế GTGT hàng NK phải nộp trong kỳ	335	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng NK đã nộp trong kỳ	336	P (đồng)		
- Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	337			
+ Số thuế TTĐB hàng NK phải nộp trong kỳ	338	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng NK đã nộp trong kỳ	339	P (đồng)		
- Thuế GTGT hàng xuất khẩu	340			
+ Số thuế GTGT hàng XK phải nộp trong kỳ	341	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng XK đã nộp trong kỳ	342	P (đồng)		
- Thuế TTĐB hàng xuất khẩu	343			
+ Số thuế TTĐB hàng XK phải nộp trong kỳ	344	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng XK đã nộp trong kỳ	345	P (đồng)		
<b>c) Lợi nhuận nộp NSNN (theo Nghị định 204)</b>	350			
- Lợi nhuận phải nộp NSNN	351	P (đồng)		
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)		
<b>8. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau</b>	360	D (đồng)		
<b>9. Doanh thu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích</b>	400	P (đồng)		
<b>10. Người quản lý doanh nghiệp</b>	500			
<b>a) Tổng số Người quản lý doanh nghiệp</b>	510	D (người)		
- Người quản lý doanh nghiệp chuyên trách	511	D (người)		
- Người quản lý doanh nghiệp không chuyên trách	512	D (người)		
<b>b) Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý doanh nghiệp</b>	520			
- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch	521	P (đồng)		
- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện	522	P (đồng)		
Thu nhập bình quân của Người quản lý doanh nghiệp	523	P (đồng)		
<b>11. Người lao động</b>	600			
<b>a) Tổng số Người lao động</b>	610	D (người)		
<b>b) Quỹ tiền lương của Người lao động</b>	620			
- Quỹ tiền lương kế hoạch	621	P (đồng)		
- Quỹ tiền lương thực hiện	622	P (đồng)		
<b>c) Thu nhập bình quân của Người lao động</b>	623	P (đồng)		
<b>12. Số dư đầu tư vào Công ty chứng khoán</b>	710	D (đồng)		
<b>a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ</b>	711	P (đồng)		
<b>b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)</b>	712	P (đồng)		
<b>b) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ</b>	713	P (đồng)		
<b>13. Số dư đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ</b>	720	D (đồng)		
<b>a) Phát sinh tăng đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ</b>	721	D (đồng)		
<b>b) Thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)</b>	722	P (đồng)		
<b>c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ</b>	723	P (đồng)		
<b>14. Số dư đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP</b>	730	D (đồng)		
<b>a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ</b>	731	P (đồng)		
<b>b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)</b>	732	P (đồng)		
<b>c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, Ngân hàng TMCP trong kỳ</b>	733	P (đồng)		





<b>15. Số dư đầu tư vào Quỹ đầu tư</b>	740	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	741	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	742	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	743	P (đồng)		
<b>16. Số dư đầu tư vào Công ty bảo hiểm</b>	750	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	751	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	752	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	753	P (đồng)		
<b>17. Tổng Doanh thu kế hoạch</b>	810	P (đồng)		
<b>18. Lợi nhuận kế hoạch trước thuế TNDN</b>	820	P (đồng)		
<b>19. Thuế và các khoản phải nộp NSNN kế hoạch</b>	830	P (đồng)		
<b>20. Tổng kim ngạch</b>	1000	P (nghìn USD)		
a) Kim ngạch xuất khẩu	1110	P (nghìn USD)		
b) Kim ngạch nhập khẩu	1120	P (nghìn USD)		
<b>21. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài</b>	1200	D (nghìn USD)		
a) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu của DN	1210	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1211	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1212	P (nghìn USD)		
b) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước	1220	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1221	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1222	P (nghìn USD)		
c) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài	1230	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1231	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1232	P (nghìn USD)		
<b>22. Tổng số thu hồi vốn đầu tư ra nước ngoài</b>	1300	P (nghìn USD)		
a) Thu hồi vốn đầu tư	1310	P (nghìn USD)		
b) Lợi nhuận, cổ tức	1320	P (nghìn USD)		
c) Lợi nhuận chuyển về nước	1330	P (nghìn USD)		

**Ghi chú:**

Đề nghị các đơn vị giữ nguyên mẫu biểu báo cáo và các chỉ tiêu, không thêm, bớt dòng cột và thay đổi mã số chỉ tiêu khi lập báo cáo.

Nha Trang, ngày ..... tháng ..... năm...

**Cơ quan, đơn vị báo cáo  
(Ký tên, đóng dấu)**





**TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**  
**TÊN DOANH NGHIỆP**  
**KHÁNH VIỆT**

### PHỤ LỤC IC

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
*(Báo hành kèm theo Quy chế số 30/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2016 của Tổng công ty Khánh Việt)*  
*(Lập và gửi Tổng công ty Khánh Việt trước ngày 02 của tháng đầu tiên quý tiếp theo)*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
<b>I. Chỉ tiêu tài chính</b>						
1. Tổng tài sản	270	Triệu đồng				
2. Vốn chủ sở hữu	410	Triệu đồng				
<b>II. Kết quả kinh doanh</b>						
1. Tổng doanh thu	10	Triệu đồng				
2. Lãi phát sinh	20	Triệu đồng				
3. Lỗ phát sinh	30	Triệu đồng				
4. Lỗ lũy kế	40	Triệu đồng				
<b>III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>	100					
1. Thuế GTGT	111	Triệu đồng				
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	112	Triệu đồng				
3. Thuế TNDN	113	Triệu đồng				
4. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	114	Triệu đồng				

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Nha Trang, ngày .... tháng .... năm .....*  
**Cơ quan, đơn vị báo cáo**  
**(Ký tên, đóng dấu)**

**Ghi chú:**

- Số liệu lập biểu là số ước tính của Quý báo cáo; doanh nghiệp đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.